

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HC-PT

Ngày: 16-01-2018

Vụ “Khiếu kiện quyết định hành chính
về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mạnh Đoan Trang.

Các Thẩm phán:

1/ Bà Đỗ Thị Kim Phụng

2/ Ông Vũ Bảo Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Trần
Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 44/HCPT ngày 25 tháng 9 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3192/2017/QĐ-PT ngày 26 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị R**, sinh năm 1933.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông **Hoàng Văn C**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Hợp đồng ủy quyền công chứng ngày 18/8/2016).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở: Phường P, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của người bị kiện: Ông **Nguyễn Văn T** - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B.

(Văn bản ủy quyền ngày 12/8/2016).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

- Ông **Huỳnh Văn H** – Phó trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng Quận B.

(Văn bản yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 2305/UBND ngày 22/8/2016)

- Ông **Nguyễn Đình D** – Phó Trưởng phòng Tư pháp Quận B.

(Văn bản yêu cầu người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp số 3619/UBND ngày 13/11/2017)

3. *Người kháng cáo:* Ủy ban nhân dân Quận B – người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị R có ông Hoàng Văn C là người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R, địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường Long A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà R không khiếu nại đến người có thẩm quyền. Ngày 11/01/2016, bà R khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận B yêu cầu: Hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/5/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B; yêu cầu được bồi thường với đơn giá 1.086.000 đồng/m²; yêu cầu hỗ trợ tái định cư.

Những căn cứ mà người khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B là:

Nguồn gốc 3.212,3m² đất thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ 67 (tài liệu 2003), phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là do bà R khai phá đất hoang từ năm 1977, bà R trồng canh tác lúa, trồng cây lâu năm và trực tiếp sử dụng từ năm 1977 cho đến khi có Quyết định thu hồi, trong quá trình sử dụng, không có ai tranh chấp, cũng không có văn bản ngăn chặn của chính quyền địa phương.

Tại kết luận của Thanh tra số 98/KL-TTr ngày 05/02/2015 về công tác quản lý tài chính tại Trung tâm phát triển Quỹ đất của Thành phố Hồ Chí Minh thì, theo quy định tại Điều 44, 45 và 46 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất (các hộ dân sử dụng đất trước ngày 01/7/2004 có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân phường quản lý, xác định là đất lấn chiếm đất công). Các trường hợp đất không có nguồn gốc hợp pháp mà người dân sử dụng đất không có tranh chấp, không có văn bản ngăn chặn của chính quyền địa phương và không có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lấn chiếm đất đai thì vẫn được bồi thường như đất hợp pháp.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B trình bày:

Hộ bà Nguyễn Thị R sử dụng 3.212,3 m² đất thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ 67 (theo tài liệu 2003) tại phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Thực hiện theo Quyết định thu hồi đất số: 796/QĐ-UBND ngày 20/11/2014 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc thu hồi đất trong dự án Chính trang phát triển đô thị tại phường Long A, Quận B; Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R. Nguồn gốc đất, từ sau năm 1975 thuộc đất công do Nhà nước quản lý. Ngày 07/9/1991, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 602/QĐ-UB giao đất cho Công ty L quản lý và sử dụng (khu đất diện tích là 535,5 ha thuộc một phần xã Long A và xã Long Thạnh C) để xây dựng thảm thực vật. Tuy nhiên, Công ty L không quản lý sử dụng đất, bà Nguyễn Thị R sử dụng trồng cây đến nay (thời điểm là trước ngày

15/10/1993, trước ngày 22/4/2002); đất hiện không có tranh chấp với cá nhân nào.

Căn cứ khoản 1 mục IV phần IV Phương án số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012 của Hội đồng Bồi thường – Giải phóng Mặt bằng thì:

“Trường hợp đất đưa vào sử dụng trước ngày 15/10/1993: Mục đích sử dụng là đất nông nghiệp thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT, thì được xét hỗ trợ bằng 100% giá các loại đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân Thành phố quy định và công bố hàng năm. Diện tích để tính hỗ trợ là diện tích đang sử dụng thực tế nhưng không quá 2.000m²/hộ; phần diện tích còn lại (nếu có) không xét hỗ trợ”

Do đó, hộ bà R được tính hỗ trợ 2.000m² đất nông nghiệp với đơn giá 190.000 đồng/m² x 2.000 m², không tính bồi thường hỗ trợ 1.212,3m² đất nông nghiệp do vượt hạn mức. Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

Hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R, địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường Long A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B tính lại giá trị bồi thường, hỗ trợ phần đất nông nghiệp có diện tích 3.212,3 m² thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ 67 (theo tài liệu 2003), phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho hộ bà Nguyễn Thị R theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/8/2017 người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B do ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là người đại diện hợp pháp có đơn đề nghị vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện ông Huỳnh Văn H và ông Nguyễn Đình D trình bày:

Phía người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Yêu cầu hủy Bản án số 20/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B. Lý do kháng cáo:

- Về nguồn gốc đăng ký, kê khai: Theo Tài liệu 299/TTg, phần diện tích đất 3.212,3m² thuộc một phần thửa 419, tờ bản đồ số 2, Bộ địa chính xã Long A1, huyện Thủ Đức thuộc loại đất hoang đồng do Ủy ban nhân dân xã Long A1 đăng ký. Theo Tài liệu 02/CT-UB, phần diện tích đất 3212,3m² thuộc một phần thửa 235, tờ bản đồ số 13 là loại đất khoáng sản ghi tên Xí nghiệp khai thác đá sỏi. Theo Tài liệu năm 2003, phần đất trên thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 67, Bộ địa chính phường A, Quận B ghi tên Ủy ban nhân dân phường đăng ký và quản lý, là loại đất lâu năm khác.

- Về quá trình quản lý Nhà nước từ năm 1975 đến nay: Ngày 13/4/1989, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức có Quyết định số 166/QĐ-UB về việc giao nhiệm vụ quản lý, khai thác tài nguyên như đất, cát, sỏi cho Xí nghiệp khai thác cát, đá, sỏi. Đến ngày 07/9/1991, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 602/QĐ-UB giao đất cho Công ty L quản lý, sử dụng (khu đất diện tích 535,5ha thuộc một phần xã Long A và xã Long Thạnh C) để xây dựng thảm thực vật.

Như vậy, phần diện tích 3.212,3m² có nguồn gốc đất công do Nhà nước quản lý từ sau năm 1975. Sau đó khoảng năm 1977 hộ bà R có chiếm sử dụng

trồng lúa nhưng quá trình sử dụng không liên tục và không đăng ký, kê khai theo Tài liệu 299. Khu đất đã có quyền sử dụng đất được Nhà nước giao đất cho Xí nghiệp khai thác và sản xuất vật liệu xây dựng huyện Thủ Đức và Công ty L quản lý sử dụng và bảo hộ theo quy định pháp luật. Hai tổ chức này đã thực hiện quyền sử dụng đất trên thực tế ổn định, liên tục cho đến năm 2008 theo quy định.

Căn cứ khoản 1 mục IV phần IV Phương án số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012 của Hội đồng Bồi thường – Giải phóng Mặt bằng thì hộ bà R được tính hỗ trợ 2.000m² đất nông nghiệp với đơn giá 190.000 đồng/m² x 2.000 m², không tính bồi thường hỗ trợ 1.212,3m² đất nông nghiệp do vượt hạn mức. Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 là đúng quy định pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B và buộc Ủy ban nhân dân Quận B phải tính lại giá trị bồi thường theo đơn giá đất và tính hỗ trợ về đất đối với toàn bộ diện tích 3.212,3m² đất bị thu hồi cho hộ bà R là không đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về thủ tục: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật từ khi thụ lý và tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử tiến hành đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của pháp luật về thời gian, địa điểm xét xử, thành phần Hội đồng xét xử và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa. Về việc chấp hành pháp luật của Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 60, Điều 61, Điều 78, Điều 83, Điều 115 đến Điều 119, Điều 153, Điều 225, Điều 243, Điều 253 Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ủy ban nhân dân Quận B kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B, nhận thấy:

Xét về nguồn gốc: Phần diện tích đất 3.212,3m² thuộc một phần thửa số 2, tờ bản đồ số 67, Bộ địa chính phường A, Quận B Theo tài liệu 2003 có nguồn gốc đất công do Nhà nước quản lý từ sau năm 1975, năm 1977 hộ bà R sử dụng trồng lúa. Ngày 13/4/1989, Ủy ban nhân dân huyện Thủ Đức có Quyết định số 166/QĐ-UB về việc giao nhiệm vụ quản lý, khai thác tài nguyên như đất, cát, sỏi cho Xí nghiệp khai thác cát, đá, sỏi. Đến ngày 07/9/1991, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 602/QĐ-UB giao đất cho Công ty L quản lý, sử dụng (khu đất diện tích 535,5ha thuộc một phần xã Long A và xã Long Thạnh C) để xây dựng thảm thực vật. Tuy nhiên, Công ty L không quản lý, sử dụng, hộ bà Nguyễn Thị R vẫn tiếp tục trồng cây cho đến ngày thu hồi không có ai tranh chấp và cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính đã được Ủy ban nhân dân xã Long A xác nhận nên được bồi thường như đất hợp pháp theo quy định tại Khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và mục 2 điểm 6 của Công văn kết luận thanh tra số 98/KL-TTr ngày 05/02/2015 của Thanh tra Bộ Tài chính quy định đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai.

Từ phân tích trên, căn cứ Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, bác yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 26/7/2017 của Tòa án nhân dân Quận B.

Trên đây là ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hình thức: Đơn kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận B gửi đến tòa trong thời hạn luật định nên hợp lệ.

Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B do ông Nguyễn Văn T – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận B là người đại diện theo ủy quyền vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

Về nội dung: Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B kháng cáo yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét hủy Bản án số 20/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Ngày 29/10/2015, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 98 Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003.

[2] Về nội dung và căn cứ pháp lý ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và việc đăng ký, kê khai đất:

Căn cứ Biên bản nội dung kết luận họp ngày 05/7/2012 của Ban bồi thường Giải phóng mặt bằng về xét nguồn gốc quá trình sử dụng đất, Công văn số 227/UBND ngày 18/10/2016 của Ủy ban nhân dân phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh về việc phúc đáp nội dung Văn bản số 931/TAQ9 ngày 26/9/2016 của Tòa án nhân dân Quận B và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nhận thấy:

- Về nguồn gốc và quá trình sử dụng phần đất diện tích 3.212,3 m² thuộc một phần thửa 02 tờ bản đồ 67 theo tài liệu 2003 (thuộc một phần thửa 235, tờ bản đồ 13 theo TL02/CT-UB) tại phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

có nguồn gốc, từ sau năm 1975 là đất hoang do Nhà nước quản lý, năm 1977 gia đình bà R sử dụng canh tác lúa. Đến ngày 07/9/1991, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 602/QĐ-UB giao đất cho Công ty L quản lý và sử dụng (khu đất diện tích là 535,5ha thuộc một phần xã Long A và xã Long Thạnh C) để xây dựng thảm thực vật. Tuy nhiên, Công ty L không quản lý sử dụng đất, bà Nguyễn Thị R sử dụng trồng cây đến nay (thời điểm là trước ngày 15/10/1993, trước ngày 22/4/2002), không có ai tranh chấp và cũng không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

- Về việc đăng ký, kê khai phần đất diện tích 3.212,3 m² nêu trên: Theo Tài liệu 299/TTg, phần diện tích đất 3.212,3m² thuộc một phần thửa 419, tờ bản đồ số 2, Bộ địa chính xã Long A1, huyện Thủ Đức thuộc loại đất hoang đồng do Ủy ban nhân dân xã Long A1 đăng ký. Theo Tài liệu 02/CT-UB, phần diện tích đất 3.212,3m² thuộc một phần thửa 235, tờ bản đồ số 13 là loại đất khoáng sản ghi tên Xí nghiệp khai thác đá sỏi. Theo Tài liệu năm 2003, phần đất trên thuộc thửa số 2, tờ bản đồ số 67, Bộ địa chính phường A, Quận B ghi tên Ủy ban nhân dân phường đăng ký và quản lý, là loại đất lâu năm khác.

Như vậy, xét nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và việc đăng ký, kê khai phần diện tích đất 3.212,3m² mặc dù Ủy ban nhân dân xã Long A1, huyện Thủ Đức đã đăng ký theo Tài liệu 299/Ttg và đứng tên chủ sử dụng Tài liệu năm 2003 nhưng hộ bà R đã sử dụng ổn định và liên tục phần đất này từ năm 1977 cho đến khi nhà nước thu hồi đất. Việc Ủy ban nhân dân Quận B cho rằng đất này là đất công do Nhà nước quản lý, năm 1977 hộ bà R có chiếm dụng để trồng lúa nhưng quá trình sử dụng không liên tục và không đăng ký, kê khai theo tài liệu 299 nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở, chỉ được hỗ trợ đất nông nghiệp là không phù hợp vì trong suốt quá trình hộ bà R sử dụng đất, Ủy ban nhân dân phường A không thực hiện quyền quản lý đất đai, không có văn bản ngăn chặn về việc lấn chiếm đất công và không có tranh chấp với hộ bà R tại cơ quan có thẩm quyền. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận B cho rằng việc Ủy ban nhân dân Quận B không cấp

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà R cũng là một hình thức ngăn chặn việc lấn chiếm, sử dụng đất công là không có cơ sở.

Căn cứ Khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ, Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 và mục 2 điểm 6 của Công văn kết luận thanh tra số 98/KL-TTr ngày 05/02/2015 của Thanh tra Bộ Tài chính quy định đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất mà trước đây Nhà nước đã có quyết định quản lý quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước nhưng trong thực tế Nhà nước chưa quản lý mà hộ gia đình, cá nhân đó vẫn sử dụng thì được bồi thường theo quy định của pháp luật về đất đai. Đối chiếu các quy định trên thì hộ bà R đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định của pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 69 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ, thì diện tích 3.212,3 m² đất của hộ bà R bị thu hồi không thuộc trường hợp vượt định mức giao đất.

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R, trong đó hỗ trợ 2.000m² đất nông nghiệp và không hỗ trợ diện tích 1.212,3m² do vượt hạn mức là chưa đúng với quy định của pháp luật và không phù hợp với Phương án bồi thường số 86/PABT-HĐBT ngày 15/5/2012. Do vậy, buộc Ủy ban nhân dân Quận B phải tính lại giá trị bồi thường cho hộ bà R đối với phần diện tích 3.212,3m² phù hợp quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, phía người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận B kháng cáo nhưng không đưa ra được các tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận B không được chấp nhận nên Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 4 Điều 225, Khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;
- Căn cứ Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013;
- Căn cứ Khoản 9 Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ;
- Căn cứ Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ;
- Căn cứ Khoản 1 Điều 69 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008,

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân Quận B, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 20/2017/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận B với nội dung:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

Hủy Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của Ủy ban nhân dân Quận B về việc công bố giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của hộ bà Nguyễn Thị R, địa chỉ: phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh trong dự án chỉnh trang phát triển đô thị tại phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc Ủy ban nhân dân Quận B tính lại giá trị bồi thường, hỗ trợ phần đất nông nghiệp có diện tích 3.212,3 m² thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ 67 (theo

tài liệu 2003), phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cho hộ bà Nguyễn Thị R theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí:

2.1. *Án phí sơ thẩm:* Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị R số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà R đã nộp theo biên lai thu số AC/2014/0007208 ngày 27/01/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B.

2.2. *Án phí phúc thẩm:* Ủy ban nhân dân Quận B phải chịu án phí hành chính phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai số AA/2016/0003265 ngày 31/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận B; Ủy ban nhân dân Quận B đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM
- TAND Quận B;
- Chi cục THADS Quận B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Mạnh Đoàn Trang